

Ban hành Luật Thỏa thuận quốc tế tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh hội nhập và hợp tác

15:30 22/05/2020

Việc ban hành Luật Thỏa thuận quốc tế nhằm tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế

Thực hiện chương trình kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, sáng 22-5, Quốc hội nghe Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh, thừa ủy quyền của



nghe
cáo

Phó

Thủ tướng Phạm Bình Minh trình bày Tờ trình về dự án Luật Thỏa thuận quốc tế

Dự án Luật Thỏa thuận quốc tế là một trong sáu dự án luật được trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu tại kỳ họp lần này.

Ngày 20-4-2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành Pháp lệnh ký kết và thực hiện TTQT; Pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 1-7-2007 tạo cơ sở pháp lý cho việc ký kết và thực hiện TTQT, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập của đất nước và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua.

Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thực hiện Pháp lệnh phát sinh nhiều điểm chưa thống nhất về kỹ thuật, gây khó khăn cho việc giải thích và thực hiện. Do đó, việc ban hành Luật Thỏa thuận quốc tế là cần thiết nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong tình hình mới, nhằm đáp ứng nhu cầu ký kết văn bản hợp tác quốc tế ở các cấp chưa được quy định trong Pháp lệnh như thỏa thuận quốc tế cấp Cục, Tổng Cục, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, cơ quan cấp tỉnh của các tổ chức như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam,...

Luật cũng quy định trình tự rút gọn cho trường hợp gấp để phục vụ yêu cầu đối ngoại; quy định trình tự đề xuất, ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế của nhiều bộ, ngành, hoặc tỉnh, thành phố.

Bên cạnh đó, việc ban hành Luật Thỏa thuận quốc tế là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ và vững chắc hơn để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế, đáp ứng những nhu cầu về pháp luật và thực tiễn đặt ra.

Cụ thể, ban hành Luật TTQT sẽ tạo cơ sở cho việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và quy định tại Điều 12 Hiến pháp năm 2013 về hội nhập quốc tế. Chủ trương của Đảng về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã được nêu rõ trong nhiều văn bản của Đảng, nhất là Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5-11-2016 và Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20-8-2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Luật này cũng sẽ điều chỉnh quy định về ký kết thỏa thuận quốc tế phù hợp với các văn bản mới được ban hành, sửa đổi như Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Luật Quản lý nợ công năm 2017, Quyết định số 36/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ...

Việc xây dựng Luật Thỏa thuận quốc tế nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành về công tác ký kết và thực hiện các văn bản hợp tác quốc tế không phải là điều ước quốc tế, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật; quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương trong công tác thỏa thuận quốc tế; bảo đảm triển khai và quản lý một cách thống nhất, nâng cao hiệu quả ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, cả về công nghệ, kỹ năng, kinh nghiệm và nguồn vốn của các nước và tổ chức quốc tế phục vụ công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước.

Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc và tính kế thừa

Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Đối ngoại cũng nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật TTQT theo Tờ trình của Chính phủ, cho rằng việc ban hành Luật TTQT nhằm tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế, nhất là sau khi ban hành Hiến pháp năm 2013, Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn nhu cầu ký kết TTQT, thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Tuy nhiên, về khái niệm thỏa thuận quốc tế như trong dự thảo Luật quy định (Thỏa thuận quốc tế là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam và bên ký kết nước ngoài, không làm thay đổi, phát sinh, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước CHXHCN Việt Nam theo pháp luật quốc tế), nhiều ý kiến cho rằng đã là cam kết quốc tế ở thì đều có sự ràng buộc ở các mức độ khác nhau trong quan hệ quốc tế giữa các chủ thể tham gia ký kết. Khi đã chấp nhận sự ràng buộc của TTQT thì đương nhiên phát sinh quyền và nghĩa vụ của chủ thể ký kết, nhất là khi dự thảo Luật đã mở rộng ký kết gồm cả Nhà nước, Chính phủ; nếu phát sinh quyền và nghĩa vụ thì sẽ trùng với quy định Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Do đó, Ủy ban Đối ngoại cho rằng cần làm rõ bản chất của TTQT để làm cơ sở cho việc xác định phạm vi điều chỉnh của Luật, tránh chồng lấn với Luật Điều ước quốc tế năm 2016; bảo đảm tính thống nhất giữa các quy định trong dự thảo Luật này và trong hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng quy định “bên ký kết nước ngoài” gồm cá nhân nước ngoài là chưa tương xứng với quy định với “bên ký kết Việt Nam” và chưa có chủ thể quan trọng là Nghị viện/Quốc hội và các cơ quan thuộc Nghị viện/Quốc hội nước ngoài. Cần lượng hóa danh mục các chủ thể nước ngoài để chủ động kiểm soát phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, để bảo đảm tính khái quát, Báo cáo thẩm tra cũng đề nghị dự thảo Luật cần làm rõ chủ thể ký kết nước ngoài là “cơ quan” vì pháp luật nước ngoài

thường không sử dụng khái niệm chung này như ở Việt Nam. Cần xác định rõ bên ký kết nước ngoài phải có tư cách ký kết TTQT theo pháp luật để ngăn ngừa việc ký các TTQT mà không xác định được rõ địa vị pháp lý của bên nước ngoài, tránh gây ra hậu quả đáng tiếc sau khi ký kết.

Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Đối ngoại cũng chỉ ra rằng, dự thảo Luật Thỏa thuận quốc tế được thiết kế gồm 7 chương, 53 điều. Dự thảo Luật mới chỉ quy định về trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, chưa quy định cụ thể về các trường hợp chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, trong khi các nội dung này đã được quy định tại Pháp lệnh ký kết và thực hiện TTQT năm 2007.

Do đó, đề nghị dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định có liên quan của Pháp lệnh năm 2007, đồng thời bổ sung quy định TTQT có thể chấm dứt theo quy định của TTQT đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên ký kết Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

Hoan Nguyễn